

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 11

I. TRẮC NGHIỆM**Câu 1.** Số liền sau của số 50 là số:

- A. 51 B. 49 C. 48 D. 52

Phương pháp

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Lời giải

Số liền sau của số 50 là số 51.

Chọn A**Câu 2.** Số 634 được đọc là:

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| A. Sáu ba bốn | B. Sáu trăm ba tư |
| C. Sáu trăm ba mươi tư | D. Sáu trăm ba mươi bốn |

Phương pháp

Đọc số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị

Lời giải

Số 634 được đọc là: Sáu trăm ba mươi tư

Chọn C**Câu 3.** Thương của phép chia $30 : 5$ là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Phương pháp

Dựa vào bảng chia 5 để tính nhẩm

Lời giải

Thương của phép chia $30 : 5$ là 6

Chọn B**Câu 4.** Một ô tô con có 4 bánh xe. Hỏi 10 ô tô con như thế có bao nhiêu bánh xe?

- A. 20 bánh xe B. 32 bánh xe C. 40 bánh xe D. 28 bánh xe

Phương pháp

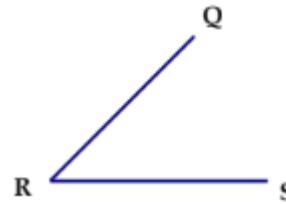
Số bánh xe = Số bánh xe ở mỗi ô tô x số ô tô

Lời giải

$10 \text{ ô tô con như thế có số bánh xe là: } 4 \times 10 = 40 \text{ (bánh xe)}$

Chọn C

Câu 5. Cho hình vẽ:



Góc trong hình là góc:

- A. Góc không vuông đỉnh Q, cạnh QR, RS
- B. Góc không vuông đỉnh R, cạnh RQ, RS
- C. Góc vuông đỉnh R, cạnh RQ, RS
- D. Góc không vuông đỉnh S, cạnh SR, RQ

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi.

Lời giải

Góc trong hình là góc: Góc không vuông đỉnh R, cạnh RQ, RS

Chọn B

Câu 6. Một miếng bìa hình vuông có cạnh dài 30 cm. Hỏi chu vi miếng bìa đó là bao nhiêu đê-xi-mét?

- A. 6 dm
- B. 120 cm
- C. 60 dm
- D. 12 dm

Phương pháp

Chu vi hình chữ nhật = Độ dài cạnh x 4

Lời giải

Chu vi miếng bìa đó là

$$30 \times 4 = 120 \text{ (cm)} = 12 \text{ dm}$$

Đáp số: 12 dm

Chọn D

Câu 7. Nhiệt độ nào dưới đây phù hợp với ngày nắng nóng?

- A. 0°C
- B. 2°C
- C. 100°C
- D. 36°C

Phương pháp

Dựa vào kiến thức thực tế để trả lời

Lời giải

Nhiệt độ 36°C phù hợp với ngày nắng nóng.

Chọn D

Câu 8. 17 kg gấp lên 5 lần được:

A. 70 kg

B. 75 kg

C. 85 kg

D. 90 kg

Phương pháp

Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

Lời giải

17 kg gấp lên 5 lần được: $17 \times 5 = 85$ (kg)

Chọn C**II. TỰ LUẬN****Câu 8. Tính nhẩm**

a) $460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = \dots \dots \dots$

b) $240 \text{ g} : 6 = \dots \dots \dots$

c) $120 \text{ ml} \times 3 = \dots \dots \dots$

Phương pháp

Thực hiện phép tính với các số rồi viết đơn vị tương ứng sau kết quả tìm được.

Lời giải

a) $460 \text{ mm} + 120 \text{ mm} = 580 \text{ mm}$

b) $240 \text{ g} : 6 = 40 \text{ g}$

c) $120 \text{ ml} \times 3 = 360 \text{ ml}$

Câu 9. Đặt tính rồi tính

a) 116×6

b) $963 : 3$

Phương pháp

- Đặt tính theo các quy tắc đã học

- Nhân lần lượt từ phải sang trái, chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 116 \\ \times \quad 6 \\ \hline 696 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 963 \\ \hline 06 \end{array} \left| \begin{array}{r} 3 \\ 321 \\ 0 \\ 0 \end{array} \right.$$

Câu 10. Tính giá trị biểu thức

a) $9 \times (75 - 63)$

b) $(16 + 20) : 4$

c) $37 - 18 + 17$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

- Với biểu thức chỉ chứa phép tính cộng, trừ ta thực hiện từ trái sang phải

Lời giải

a) $9 \times (75 - 63) = 9 \times 12$
 $= 108$

b) $(16 + 20) : 4 = 36 : 4$
 $= 9$

c) $37 - 18 + 17 = 19 + 17 = 36$

Câu 11. Mỗi bao gạo nặng 36 kg, mỗi bao ngô nặng 25 kg. Hỏi 2 bao gạo và 1 bao ngô nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Phương pháp

- Tìm cân nặng của 2 bao gạo
- Tìm cân nặng của bao gạo và bao ngô

Lời giải

2 bao gạo cân nặng là:

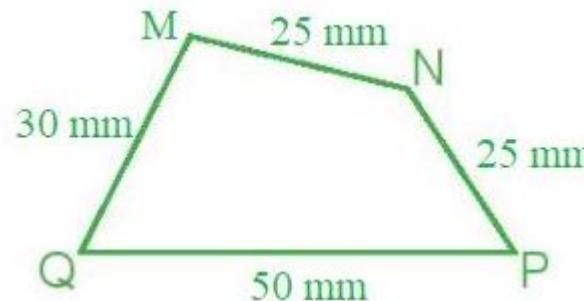
$$36 \times 2 = 72 \text{ (kg)}$$

2 bao gạo và 1 bao ngô nặng là:

$$72 + 25 = 97 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 97 kg

Câu 12. Tính chu vi hình tứ giác MNPQ.

**Phương pháp**

Chu vi hình tứ giác bằng tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác đó.

Lời giải

Chu vi hình tứ giác MNPQ là:

$$30 + 25 + 25 + 50 = 130 \text{ (mm)}$$

Đáp số: 130 mm